

Bản án số: **44/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 07/9/2021

V/v “tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Hương Huyền

2. Ông Lê Văn Thường

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Chung -Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Ông Lê Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 127/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2022/QĐXX-ST ngày 16 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Đoàn Thị B** sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố X, thị trấn MP, huyện T, Tiền Giang

2. *Bị đơn:* Anh **Hà Tấn A** sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố X, thị trấn MP, huyện T, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Đoàn Thị B trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh A chung sống với nhau năm 2000, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MP (nay là thị trấn MP) vào ngày 01/10/2002. Vợ chồng chung sống đến khoảng năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh A hay ghen tuông vô cớ, thường xuyên chửi vợ, chửi con vô cớ, đôi khi có đánh chị và anh A thường xuyên uống rượu. Vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng tháng 01/2022 đến nay nhưng vẫn còn sống chung nhà, ăn chung nhưng ngủ riêng. Trong thời gian ly thân, anh A có năn nỉ để chị rút đơn nhưng chị không rút đơn nên anh A chửi chị và vợ chồng không hàn gắn được tình cảm vợ chồng.

Hiện chị không còn tình cảm với anh A, yêu cầu được ly hôn với anh A.

- Về con chung: Có 02 con chung là Hà Tấn D sinh ngày 18/6/2001 (hiện đã thành niên) và Hà Tấn L sinh ngày 17/01/2005. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

** Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn anh Hà Tấn A trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Thừa nhận lời trình bày của chị B về quá trình chung sống, kết hôn. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn cách nay khoảng 4-5 năm nguyên nhân do chị B đi đám có ca hát với người khác phái nên anh ghen, những lúc uống rượu làm anh nhớ lại chuyện cũ nên vợ chồng cự cãi, đánh nhau.

Vợ chồng đã ly thân với nhau từ khoảng tháng 01/2022 đến nay. Trong thời gian ly thân, anh có năn nỉ để chị B rút đơn nhưng chị không rút đơn nên anh có chửi chị vài tiếng. Nay không đồng ý ly hôn do còn thương vợ, mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

- Về con chung: Có 02 con chung là Hà Tấn D sinh ngày 18/6/2001 (hiện đã thành niên) và Hà Tấn L sinh ngày 17/01/2005. Nếu Tòa cho ly hôn, anh đồng ý để chị B nuôi dưỡng cháu L, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân theo đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị B, cho chị B được ly hôn với anh A, giao con chung cho chị B nuôi dưỡng, anh A không phải cấp dưỡng nuôi con do chị B chưa có yêu cầu. Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ: “Tranh chấp ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị B và anh Hà Tấn A chung sống với nhau vào năm 2000, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MP (nay là thị trấn MP) vào ngày 01/10/2002 nên là hôn nhân hợp pháp. Chị B cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do anh A hay ghen tuông vô cớ, thường xuyên chửi vợ, chửi con vô cớ, đôi khi có đánh chị và anh A thường xuyên uống rượu. Anh A

thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng xảy ra cách nay khoảng 4-5 năm, nguyên nhân do chị B đi đám có ca hát với người khác phái nên anh A ghen, những lúc uống rượu làm anh A nhớ lại chuyện cũ nên vợ chồng cự cãi, đánh nhau.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị B và anh A xảy ra đã lâu (cách nay khoảng 4-5 năm), nguyên nhân là do anh A thường xuyên ghen tuông vô cớ, những lúc uống rượu làm anh A nhớ lại chuyện cũ nên vợ chồng xảy ra cự cãi, đánh nhau. Chị B và anh A sống ly thân đã lâu (từ tháng 01/2022 đến nay) và trong thời gian ly thân anh A có năn nỉ đề chị B rút đơn nhưng chị B không rút đơn nên anh A có chửi chị B. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị B và anh A đã trầm trọng, đòi sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặc khác anh A không đồng ý ly hôn nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ, không đưa ra giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng và sống chung cùng nhau. Địa phương có cung cấp nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa chị B và anh A là do anh A hay ghen tuông, hay ăn nhậu. Do đó yêu cầu ly hôn của chị B là có cơ sở, phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Có 02 con chung là Hà Tấn D sinh ngày 18/6/2001 (hiện đã thành niên) và Hà Tấn L sinh ngày 17/01/2005. Xét thấy, hiện cháu D đã thành niên và cháu L có nguyện vọng sống chung với chị B. Do đó để đảm bảo ổn định cuộc sống và quyền lợi của cháu L nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu L cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Anh A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng: Do chị B không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị B và anh A thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị B và anh A trình bày thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Chị B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo qui định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đoàn Thị B được ly hôn với anh Hà Tấn A.

2. *Về con chung*: Giao con chung là Hà Tấn L sinh ngày 17/01/2005 cho chị B được trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Chị Đoàn Thị B phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đồng tiền tạm ứng án phí chị B đã nộp theo biên lai thu số 0003147 ngày 30/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, chị B đã nộp xong án phí.

4. *Quyền kháng cáo*: Thời hạn kháng cáo bản án là 15 ngày, đối với chị B và anh A được tính từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện T;
- CC THADS huyện T;
- UBND thị trấn MP;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Thi